

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHU VỰC XV
Số: /BC-KBXV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ NĂM 2024 KÉO DÀI ĐẾN HẾT NGÀY 31/3/2025
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ (A+B+C)	2.555.363	240.266	9%	56.741	1.078	2%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>201.825</i>	<i>62.955</i>	<i>31%</i>	<i>2.708</i>	<i>16</i>	<i>1%</i>
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	43.607	12.232	28%	1	-	0%
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	50.583	17.732	35%	2.059	-	0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	107.635	32.991	31%	648	16	2%
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	114.000		0%			
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận	107.000		0%			
2	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hố	7.000		0%			
B	NGÂN SÁCH TỈNH (B.1+B.2)	1.752.606	92.535	5%	5.121	-	0%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>21.991</i>	<i>553</i>	<i>3%</i>	<i>1.412</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	9.476	-	0%	-	-	
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	11.915	-	0%	1.412	-	0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	600	553	92%	-	-	
B.1	NHÓM BQLDA CHUYÊN NGÀNH	1.492.500	85.442	6%	-	-	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	300	300	100%			
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận	1.492.200	85.142	6%			
B.2	NHÓM CHỦ ĐẦU TƯ LÀ SỞ, BAN, NGÀNH	260.106	7.093	3%	5.121	-	0%
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	20.850	-	0%	2.663	-	0%
2	Chi cục Biển và Thủy sản	14.800	-	0%			
3	Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	15.020		0%	2.458		0%
4	Sở Y tế	200	-	0%			
5	Bệnh viện tỉnh	500	-	0%			
6	Sở Thông tin và Truyền thông	78.613	-	0%			
7	Tỉnh Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	100		0%			
8	BCH Quân sự tỉnh	27.556	-	0%	-	-	
9	Trường Cao đẳng Nghề	14.528	-	0%			
10	Ban QLDA Tam nông giai đoạn 2	2.200		0%			
11	BQLDA SACCR	51.700	708	1%			
12	BCH Bộ đội Biên phòng	5.294	368	7%	-	-	
13	Trường Cao đẳng Y tế	20.000	2.288	11%	-	-	
14	Công an tỉnh	8.145	3.175	39%	-	-	
15	Ban Dân tộc	600	553	92%			
C	NGÂN SÁCH, HUYỆN, XÃ, THÀNH PHỐ	688.757	147.732	21%	51.620	1.078	2%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	179.834	62.402	35%	1.297	16	1%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	34.131	12.232	36%	1	-	0%
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	38.668	17.732	46%	647	-	0%

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	107.035	32.438	30%	648	16	2%
C.1	THÀNH PHỐ PHAN RANG THÁP CHÀM	169.704	33.636	20%			
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	550	-	0%			
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025						
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	550	-	0%			
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030						
C.2	HUYỆN NINH SƠN	87.323	11.307	13%	64		0%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	28.741	2.334	8%	7	-	0%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	1.350					
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	13.950	1.375	10%			
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	13.441	959	7%	7		0%
C.3	HUYỆN NINH HẢI	88.129	13.324	15%	25.179	1.062	4%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	5.667	4.897	86%	183	-	0%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	688	134	19%			
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3.879	3.877	100%	102		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	1.100	886	81%	81		0%
C.4	HUYỆN NINH PHƯỚC	91.872	21.990	24%	69	16	23%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	5.136	3.625	71%	69	16	23%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025						
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3.690	2.254	61%	54		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	1.446	1.371	95%	16	16	100%

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
C.5	HUYỆN BẮC ÁI	113.655	36.070	32%			
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	99.748	33.082	33%			
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	28.023	9.675	35%			
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	6.500	4.030	62%			
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	65.225	19.377	30%			
C.6	HUYỆN THUẬN BẮC	90.368	14.921	17%	184		0%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	26.893	9.845	37%	184	-	0%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	1.070					
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025				16		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	25.823	9.845	38%	168		0%
C.7	HUYỆN THUẬN NAM	47.706	16.483	35%	26.124		0%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	13.099	8.619	66%	854	-	0%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	3.000	2.423	81%	1		0%
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	10.099	6.196	61%	476		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030				377		0%

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8

Thuyết minh :

- Đánh giá riêng kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của địa phương đến hết tháng 03/2025 là 240,2 tỷ đồng:

* Đạt 9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (2.668,4 tỷ đồng);

* Đạt 7,2% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao đầu năm (3.338,4 tỷ đồng);

* Đạt 9,8% kế hoạch vốn phân bổ chi tiết, nhập Tabmis (2.441,4 tỷ đồng).

- Cột 2: Danh sách Chủ đầu tư được sắp xếp theo tỷ lệ giải ngân từ thấp đến cao.

- Cột 3: Số liệu thể hiện là kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho từng dự án và đã nhập Tabmis.

Nơi Nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận;

- Lưu VT, NV1(2b).Văn

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Trung Nam